

Dân Việt chống thực dân Hán

Nói đến thực dân, người ta liên tưởng đến thực dân Pháp mà không nghĩ đến tộc Hán đã đô hộ dân Việt 1000 năm và khi có cơ hội đã đem quân sang đánh chiếm xứ Việt như họ đã làm ở Tây tạng, Tân Cương, Mãn châu...

Truyền thuyết cổ đại Trung Quốc, cho rằng Hoàng Đế là Thủy tổ, của tộc Hoa Hạ (tức tộc Hán ngày nay) và người Trung Quốc thường tự xưng mình là con cháu Viêm-Hoàng.

Thời Hoàng Đế dựng muôn nước, lấy địa giới Giao Chỉ về phía Tây Nam, xa ngoài đất Bách Việt. Vua Nghiêu sai Hy thị đến ở Nam Giao (Khổng An Quốc thời Tây Hán chú giải Kinh Thư, chỉ cho Nam Giao là phương Nam. Mãi đến thời Đường, Tư Mã Trinh mới giải thích Nam Giao là Giao Chỉ ở phương Nam) để định đất Giao Chỉ ở phương Nam. Vua Vũ chia chín châu thì Bách Việt (người Hán gọi chung các tộc người khác Hán sống ở miền nam Trung Quốc thời xưa) thuộc phần đất châu Dương, Giao Chỉ thuộc về đây. Từ đời Thành Vương nhà Chu (1063-1026 TCN) mới gọi là Việt Thường thị, tên Việt bắt đầu có từ đây.

Những người Mông Cổ phương Bắc còn tiến xuống vùng sông Hoàng Hà, nơi có người Miêu tộc cư trú và giỏi về làm ruộng. Hoàng Đế là một thủ lĩnh của họ được gọi là bộ tộc Yi đánh thắng người Miêu tộc do Xi Vưu cầm đầu tại Trác Lộc ở Hà Bắc vào khoảng năm 2704 TCN (trước công nguyên), lập ra nền văn minh Hoa Hạ (Yangshao và Dawenkou) và tạo ra người giống Mông cổ (Mongoloide) phương Nam với cư dân cổ Đông Nam Á. Dân số giống Mông cổ phương Nam càng ngày càng tăng và trở thành chủ nhân của lưu vực Hoàng Hà từ đó. Họ cũng là tổ tiên của người Hán hiện đại. Người Hán tự cho là trung tâm thế giới văn minh (Trung Hoa) và xem các dân tộc khác là rợ (Khương, Liêu, Ailao..), nam di, nam man (Việt, nam..), bắc địch, khuyến hung... Ở lưu vực sông Dương Tử, dân tộc Việt Tai-Kadai thành hình từ sự tiếp cận với các cư dân bản địa thuộc hệ ngữ Nam Á và dân cư tiền Nam Đảo, Tai-Kadai đến sau.

Vua Thần Nông là vị vua đầu tiên ở phương nam còn phương bắc thì các tộc du mục được vua Hoàng Đế cai trị.

Đại Việt sử ký toàn thư ghi chép: "*Cứ theo tục truyền thì vua Đế Minh, cháu ba đời vua Thần Nông, đi tuần thú phương Nam đến Ngũ Lĩnh (thuộc tỉnh Hồ Nam bây giờ) gặp một nàng tiên, lấy nhau đẻ ra người con tên Lộc Tục.*

Sau Đế Minh truyền ngôi lại cho con trưởng là Đế Nghi làm vua phương Bắc, và phong Lộc Tục làm vua phương Nam, xưng là Kinh Dương Vương, quốc hiệu là Xích Quỷ. Bờ cõi nước Xích Quỷ bấy giờ phía bắc giáp Động Đình Hồ (Hồ Nam), phía nam giáp nước Hồ Tôn (Chiêm Thành), phía tây giáp Ba Thục (Tứ Xuyên), phía đông giáp bể Nam Hải.

Kinh Dương Vương làm vua nước Xích Quỷ vào quãng năm nhâm tuất (2879 trước Tây Lịch?) và lấy con gái Động Đình Quân là Long Nữ đẻ ra Sùng Lãm, nối ngôi làm vua, xưng là Lạc Long Quân.

Lạc Long Quân lấy con gái vua Đế Lai tên là Âu Cơ, đẻ một lần được một trăm người con trai. Lạc Long Quân bảo Âu Cơ rằng: "Ta là dòng dõi Long Quân, nhà người là dòng dõi thần tiên, ăn ở lâu với nhau không được; nay được trăm con thì nhà người đem 50 đứa lên núi, còn 50 đứa ta đem xuống bể Nam Hải". Gốc tích

truyện này có lẽ là từ Lạc Long Quân về sau, nước Xích Quỷ chia ra những nước gọi là Bách Việt. Bởi vậy ngày nay đất Hồ Quảng (tỉnh Hồ Nam, tỉnh Quảng Đông và tỉnh Quảng Tây) còn xưng là đất Bách Việt. Đây cũng là một điều nói phỏng, chứ không có lấy gì làm đích xác được...”

Con Lạc Long Quân là Hùng Vương lên ngôi, đặt quốc hiệu là Văn Lang , đóng đô ở Phong Châu (nay là Bạch Hạc) .

Theo các nhà nghiên cứu thì danh xưng Kinh dương vương có thể là tên của hai vùng đất gọi là Kinh nơi mà đa số dân là dân Âu Việt, sống miền núi rừng có bà Âu Cơ, nay thuộc Hồ Bắc. Châu Dương có dân Lạc Việt , có Lạc Long Quân, sống ở miền biển. Châu này gồm có: Giang Tây, An Huy, Chiết Giang và Giang Tô. Khoa nhân chủng học ngày nay cho rằng dân Âu Lạc thuộc về nhóm Úc- Á , còn người Hán thuộc chủng tộc Mongoloïde.

Ngay từ thời thượng cổ, người Hán đã đi đánh các dân tộc láng giềng để bành trướng lãnh thổ và tăng thêm dân số bằng cách Hán hoá nước bị đô hộ cùng cướp bóc tài nguyên, nhân lực của vùng bị họ cai trị. Vì vậy Hán tộc đã sang đánh dân Việt từ đời nhà Thương.

Không kể những cuộc xâm lấn nhỏ, đã hơn 14 lần các triều đại phương Bắc đem quân sang đánh Đại Việt để thành lập việc đô hộ.

Từ đời thượng cổ đã có chiến tranh xâm lược nước Việt của Hán tộc như trong truyền thuyết về Thánh gióng hay Phù Đổng thiên vương.

Đại Việt sử lược chép : về đời Hùng Vương thứ 6, Phù Đổng Thiên Vương đánh giặc Ân dưới núi Trâu Sơn, Sách Việt Sử Tổng Vịnh chú rằng núi Vũ Ninh thuộc huyện Quế Dương (nay thuộc đất Quế Võ, tỉnh Hà Bắc). (đời vua Bàn Canh, khoảng năm 1384 TCN nhà Thương đã chuyển kinh đô về đất Ân, vì vậy, nhà Thương còn được gọi là nhà Ân).

Theo sử Trung Hoa, Châu Thành Vương (1042-1021 TCN) phong cho Hùng Dịch vương tước ở nước Sở, còn gọi là nước Kinh, để cai trị và bình định dân man di Việt ở phía nam. Ông này là dòng dõi vua Xuyên Húc. Xuyên Húc là bố Hoan Đâu, mà Hoan Đâu là tổ người Tam Miêu. Người Tam Miêu là thành phần chính của nhà Thương trên đất Kinh Sở. Người Hán đã lập nên chế độ phong kiến và người Hoa Bắc đã bắt đầu chinh phục miền phía nam sông Dương Tử. Không riêng gì Sở, dân man di miệt nam Dương Tử đa số là Việt.

Trong 800 năm, từ đầu thế kỷ XI TCN đến khi bị Tần Thủy Hoàng diệt năm 223 TCN, nước Sở từ một miền phen đậu thành một chư hầu hùng mạnh đôi khi át cả vua nhà Châu, và tranh dành chức bá chủ đời Xuân Thu chiến quốc. Sau khi diệt các nước Việt nhỏ chung quanh, năm 333 TCN nước Sở thôn tính thêm hai nước Việt rất lớn cũng thuộc chi Lạc ở ven biển: nước Ngô Việt (Câu Tiễn) và U Việt (Phù Sai).

Thục Phán đánh được vua Hùng Vương thứ 18, lấy nước Văn Lang, xưng là vua An Dương Vương.

Khi An Dương Vương làm vua nước Âu Lạc ở bên này, thì ở bên Tàu vua Thủy Hoàng nhà Tần, đã nhất thống thiên hạ. Đến năm Đinh Hợi (214 TCN). Thủy Hoàng sai tướng là Đồ Thư đem quân đi đánh lấy đất Bách Việt (vào quãng tỉnh Hồ Nam, Quảng Đông và Quảng Tây bây giờ). An Dương Vương cũng xin thần phục nhà Tần.

Nhà Tần mới chia đất Bách Việt và đất Âu Lạc ra làm ba quận, gọi là: Nam Hải (Quảng Đông), Quế Lâm (Quảng Tây) và Tượng Quận (Bách Việt). Người bản xứ ở đất Bách Việt không chịu để người Tàu cai trị, trốn vào rừng ở.

Chẳng được bao lâu thì nhà Tần suy, nước Tàu có nhiều giặc giã, Triệu Đà thay Nhâm Ngao làm quan úy quận Nam Hải. Năm quý tị (208 TCN) là năm thứ 50 đời vua An Dương Vương. Triệu Đà đem quân sang đánh lấy nước Âu Lạc, lập ra nước Nam Việt.

Năm quý-tị (207) Triệu Đà sáp-nhập nước Âu-lạc vào quận Nam-hải, lập thành một nước gọi là Nam-Việt, tự xưng làm vua, tức là Vũ-vương, đóng đô ở Phiên-ngung, gần thành Quảng-châu bây giờ. Triệu Đà tự-lập làm Nam-việt Hoàng-đế, rồi cử binh-mã sang đánh quận Tràng-sa (nay là Hồ-nam).

Năm Canh thân (181 TCN) Hán-triều sai tướng đem quân sang đánh Nam-việt. Quân nhà Hán chịu không được thủy-thổ phương nam, nhiều người phải bệnh-tật, bởi vậy phải chạy thua về bắc.

Nhà Triệu làm vua được 4 đời, đến vua Dương-Vương mới lên làm vua được độ một năm thì vua Hán Vũ- đế sai Phục-ba tướng-quân là Lộ Bác-Đức và Dương Bộc đem 5 đạo quân sang đánh lấy Nam-Việt. Quan Thái-phó Lữ Gia ra chống cự không nổi, phải đem Dương-Vương chạy. Quân nhà Hán đuổi theo bắt được, vua tôi đều bị hại cả. Năm ấy là năm canh-ngọ (111TCN), nước Nam bị người Tàu chiếm lấy, cải là Giao-chỉ-bộ, chia ra làm 9 quận, và đặt quan cai- trị như các châu quận bên Tàu vậy.

Từ đó, thực dân Hán đô hộ dân Việt non nghìn năm với những thứ sử tàn bạo, tham lam và không ngần ngại tiêu diệt các cuộc khởi nghĩa và giết các thủ lĩnh và dân chúng.

Sau khi Phiên Ngung thất thủ, Tây Vu Vương (thủ lĩnh Tây Vu của nước Âu Lạc cũ với trung tâm là Cổ Loa) đã nổi dậy chống lại nguy cơ Bắc thuộc trước sự xâm lăng của nhà Tây Hán. Tả tướng Hoàng Đồng của hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân đã giết chết Tây Vu Vương để hàng Hán.

Năm giáp-ngọ (34) là năm Kiến-võ thứ 10, vua Hán Quang-vũ sai Tô Định sang làm thái thú quận Giao-chỉ. Tô Định là người bạo ngược, chính trị tàn ác, người Giao-chỉ đã có lòng oán giận lắm. Năm canh-tí (40) người ấy lại giết Thi Sách người ở quận Châu Diên (phủ Vĩnh tường, trước thuộc về Sơn Tây, nay thuộc về tỉnh Vĩnh yên).

Vợ Thi Sách là Trưng-Trắc con gái quan lạc tướng ở huyện Mê-linh (Hạ-lôi, huyện Yên-lãng,Phúc-yên) cùng với em gái là Trưng-Nhị, nổi lên đem quân về đánh Tô Định. Bọn Tô Định phải chạy trốn về quận Nam Hải. Lúc bấy giờ những quận Cửu-chân, Nhật-nam và Hợp-phố cũng nổi lên theo về với hai bà Trưng-Thị. Chẳng bao lâu quân hai bà hạ được 65 thành-trì. Hai bà bèn tự xưng làm vua, đóng đô ở Mê-linh.

Năm tân-sửu (41) vua Quang-vũ sai Mã Viện làm Phục-ba tướng-quân, Lưu Long làm phó tướng cùng với quan Lâu-thuyền tướng quân là Đoàn Chí sang đánh Trưng-vương. Quân Trưng-vương là quân ô-hợp không đương nổi quân Mã Viện, đã từng đánh giặc nhiều phen. Hai bà phải tự vẫn ở sông Hát giang. Mã Viện đem đất Giao-chỉ về thuộc nhà Hán như cũ.

Sử-gia Lê văn Hưu nói rằng: "*Trung Trắc, Trưng Nhị là đàn bà nổi tiếng đánh lấy được 65 thành trì, lập quốc xưng vương dễ như giở bàn tay. Thế mà từ cuối đời nhà Triệu cho đến đời nhà Ngô hơn một nghìn năm, người mình cứ cúi đầu bó tay làm tôi-tớ người Tàu, mà không biết xấu-hổ với hai người đàn-bà họ Trưng!*"

Dưới sự đô hộ của Đông Ngô đời Tam quốc, Ngô chủ sai Lục Dận sang làm thứ-sử Giao-châu. Năm mậu-thìn (248) vì quan-lại nhà Ngô tàn-ác, dân-gian khổ-sở, Triệu quốc Đạt cùng với em là Triệu Thị Chinh mới khởi binh đánh quận Cửu-chân Thứ sử Giao-châu là Lục Dận đem quân đi đánh, bà chống nhau với nhà Ngô được năm sáu tháng . Nhưng vì quân ít thế cô, đánh mãi phải thua, bà đem quân chạy đến xã Bồ-điền (nay là xã Phú-điền thuộc huyện Mỹ-hóa) thì tự tử. Bấy giờ mới 23 tuổi Nước Việt lại bị nhà Đông Ngô đô hộ.

Thời Nam Bắc triều bên Tàu, nhà Lương sai Tiêu-Tư sang làm thứ sử Giao-châu. Tiêu Tư là một người tàn bạo, làm cho lòng người ai cũng oán giận. Bởi vậy Lý Bôn mới có cơ hội mà nổi lên, năm 541 đánh đuổi được Tiêu Tư. Năm Giáp Tí (544) đời nhà Lương bên Tàu, Lý Bôn tự xưng là Nam Việt Đế, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân, niên hiệu là Thiên Đức. Năm Ất Sửu (545) vua nhà Lương sai Dương Phiêu sang làm thứ sử Giao Châu, và sai Trần Bá Tiên đem quân sang đánh Nam Việt. Lý Nam Đế thua phải bỏ thành Long Biên chạy về giữ thành Gia Ninh (huyện Yên Lãng, Phúc Yên).

Lý Nam Đế thua trận, giao lại binh quyền cho Triệu Quang Phục. Sau khi Lý Nam Đế mất, Triệu Quang Phục đánh đuổi được quân Lương vào năm 550, xưng là Triệu Việt Vương, đến năm 571 một người cháu của Lý Nam Đế là Lý Phật Tử đã cướp ngôi Triệu Việt Vương, Trong khi Lý Phật Tử làm vua ở Nam Việt thì vua Văn Đế nhà Tùy đã gồm cả Nam Bắc, nhất thống nước Tàu. Đến năm Nhâm Tuất (602) vua nhà Tùy sai tướng là Lưu Phương đem quân 27 doanh sang đánh Nam Việt.

Lý Phật Tử sợ thế không địch nổi bèn xin về hàng . Trên đường đánh Lâm Ấp trở về, Lưu Phương mắc bệnh chết.

Năm Mậu Dần (618) nhà Đường lên thay nhà Tùy. Đến năm Tân Tị (621) vua Cao Tổ nhà Đường sai Khâu Hòa làm Đại Tổng Quản sang cai trị Giao Châu.

Đời vua Đường Huyền Tông, năm Nhâm Tuất (722), Mai Thúc Loan nổi dậy chiếm giữ Hoan Châu, xưng là Hắc Đế, bên ngoài liên kết với người Lâm Ấp, Chân Lạp, số quân nói là 30 vạn . Vua Đường sai nội thị tả giám môn vệ tướng quân là Dương Tư Húc và Đô hộ là Nguyễn Sở Khách đánh dẹp yên được.

Năm 758, nhà Đường đổi An Nam Đô Hộ Phủ làm Trấn Nam Đô Hộ Phủ.

Năm 791 quan Đô Hộ là Cao Chính Bình bắt dân đóng sưu thuế nặng quá, lòng dân oán hận. Phùng Hưng nổi lên ở Đường Lâm (làng Cam Lâm, Sơn Tây) đem quân về phá phủ Đô Hộ. Cao Chính Bình lo sợ thành bệnh mà chết. Phùng Hưng mới chiếm giữ phủ thành, được mấy tháng thì mất. Quân sĩ lập con Phùng Hưng là Phùng An lên nối nghiệp. Dân ái mộ Phùng Hưng mới lập đền thờ và tôn lên làm Bố Cái Đại Vương, nghĩa là tôn Phùng Hưng lên làm cha mẹ. Vua Đường sai Triệu Xương sang làm Đô Hộ. Phùng An liệu thế chống không nổi xin ra hàng.

Cuối thế kỷ IX, nhà Đường suy yếu. Cuộc khởi nghĩa của Hoàng Sào (874-884) đã làm triều đình nhà Đường rung chuyển. Năm 906, Khúc Thừa Dụ, là Hào trưởng Chu Diên, được dân chúng ủng hộ, đã tiến quân ra chiếm đóng phủ thành Đại La (Hà Nội), tự xưng là Tiết độ sứ để cai trị Giao Châu. Nhà Đường cũng thuận cho ông làm Tĩnh Hải Tiết Độ Sứ và gia phong Đồng Bình Chương Sự. Năm sau nhà Đường mất ngôi, nhà Hậu Lương phong cho Lưu Ẩn làm Nam Bình Vương, kiêm chức Tiết Độ Sứ Quảng Châu và Tĩnh Hải, có ý để lấy lại Giao Châu,

Năm 923, Vua nước Nam Hán sai tướng là Lý Khắc Chính đem quân sang đánh bắt được cháu của Khúc Thừa Dụ là Khúc Thừa Mỹ, rồi sai Lý Tiến sang làm thứ sử cùng với Lý Khắc Chính giữ Giao Châu.

Năm 931, Dương Diên Nghệ là tướng của Khúc Hạo nổi lên, mộ quân đánh đuổi bọn Lý Khắc Chính và Lý Tiến đi, rồi tự xưng làm Tiết Độ Sứ. Dương Diên Nghệ bị người nha tướng là Kiều Công Tiện giết đi mà cướp lấy quyền. Khi được tin Kiều Công Tiện đã giết mất Dương Diên Nghệ, Ngô Quyền liền đem quân ra đánh. Kiều Công Tiện cho sang cầu cứu ở bên Nam Hán, Hán Chủ nhân dịp cho thái tử là Hoảng Tháo đưa quân đi trước, mình tự dẫn quân đi tiếp ứng.

Việt Hán giao chiến trên sông Bạch Đằng, quân Nam Hán thua chạy, Hoảng Tháo bị Ngô Quyền bắt được, đem về giết đi. Vua Nam Hán rút về Phiên Ngung, không dám sang quấy nhiễu nữa.

Nhờ có Ngô Quyền, dân Việt mới thoát được nạn Bắc thuộc hơn một nghìn năm, và mở đường cho Đinh, Lê, Lý, Trần, về sau này được tự chủ ở cõi Nam vậy.

Trong khi vua Đinh Tiên-hoàng dẹp loạn Sứ-quân, thì ở bên Tàu nhà Tống lên thay nhà Hậu-Chu, Đến năm canh-ngọ (970) vua Thái-tổ nhà Tống sai tướng là Phan Mỹ sang đánh lấy Nam-Hán. Vua Tiên-hoàng sợ quân nhà Tống sang đánh, bèn sai sứ sang thông hiếu với Tống-triều. Năm 972, vua Đinh lại sai Nam-việt-vương là Liễn sang cống nhà Tống. Vua nhà Tống sai sứ sang phong cho Tiên#hoàng làm Giao-chỉ quận vương và phong cho Nam-việt-vương Liễn làm Tĩnh-hải-quân Tiết-độ-sứ, An-nam đô-hộ. Từ đó nước ta cứ giữ lệ sang triều cống nước Tàu.

Năm kỹ-mão (979) vua Tiên-hoàng và Nam-việt-vương Liễn bị Đỗ Thích giết chết. Khi nhà Tống nghe tin Tiên-hoàng đã mất, vua mới còn nhỏ, muốn thừa thế sang lấy nước ta, mới hội đại binh ở gần biên-giới. Vệ-vương mới có 6 tuổi lên làm vua, quyền-chính ở cả Thập-đạo tướng quân là Lê Hoàn.

Lê Hoàn lên làm vua, giáng Đinh Tuệ xuống làm Vệ-vương, sử gọi là Phế đế rồi sai Phạm cự Lượng làm đại tướng đem binh đi chống giữ. Năm tân-tị (981) thì quân Tống bọn Hầu nhơn Bảo và Tôn toàn Hưng tiến sang Lạng-sơn, bọn Lưu-trừng đem thủy-quân sang Bạch-đăng-giang.

Bọn Hầu nhơn Bảo tiến sang đến Chi-lăng (Lạng-sơn), vua Lê sai người sang dụ Hầu nhơn Bảo đến chỗ hiểm bắt chém đi, rồi đuổi đánh quân nhà Tống chém giết được quá nửa. Bọn Lưu Trừng thấy lục-quân đã tan vỡ, vội-vàng đem thủy-quân rút về. Vua Đại-hành tuy thắng trận, nhưng sợ thế-lực không chống với được lâu, bèn sai sứ xin theo lệ triều cống nhà Tống. Vua Tống phong cho vua Lê làm Tiết-độ-sứ rồi năm 993 lại phong làm Giao-chỉ quận-vương, đến năm 997 lại gia phong là Nam-bình-vương.

Từ nhà Đinh, nhà Lê trở đi, tuy Tàu không sang cai-trị nước ta nữa, nhưng vẫn cứ muốn xâm-lược.Vua Tống Thần-tông (1068-1078) dùng Vương an Thạch làm tể tướng.Vương an Thạch lại có ý muốn lập công ở ngoài biên, để tỏ cái công-hiệu viêc. cải-tổ của mình. Quan tri châu Ung-châu là Tiêu Chú làm sớ tâu về rằng: nếu không đánh lấy đất Giao châu thì về sau thành một điều lo cho nước Tàu.Vua nhà Tống sai Tiêu Chú kinh-lý việc đánh Giao-châu rồi thay thế bởi Thẩm Khởi, sau là Lưu Gi.Lưu Gi sai người đi biên các khe ngòi, các đồn-lũy, sửa binh-khí, làm thuyền-bè và lại cấm không cho người ở châu huyện gần đấy đi lại buôn-bán với người Giao-châu.

Nhà Lý sai Lý thường Kiệt và Tôn Đản đem 10 vạn binh chia ra làm 2 đạo, thủy bộ cùng tiến sang đánh nhà Tống, lấy cớ rằng nhà Tống đặt ra phép mới làm khổ trăm họ. Vậy quân Đại-Việt sang đánh để cứu-vớt nhân-dân...

Năm ất-mão (1075) Lý thường Kiệt đem quân sang vây đánh Khâm- châu và Liêm-châu (thuộc tỉnh Quảng-đông) giết hại hơn 8.000 người. Đạo quân của Tôn Đản sang đánh Ung-châu (nay là Nam-ninh , Quảng-tây),quan Đô-giám Quảng-tây là Trương thủ Tiết đem binh lại cứu Ung-châu, bị Lý thường Kiệt đón đánh ở Côn-lôn quan (gần Nam-ninh) chém được Trương thủ Tiết.Tôn Đản vây thành Ung-châu, quan tri-châu là Tô Dam giết cả gia đình rồi tự đốt mà chết.Quân nhà Lý vào thành giết hại gần đến 58.000 (?) người.Lý thường Kiệt và Tôn Đản sang đánh nhà Tống giết hại cả thảy đến 10 vạn người, rồi lại bắt người lấy của đem về nước.

Tống-triều đưoc. tin quân nhà Lý sang đánh-phá ở châu Khâm, châu Liêm và châu Ung, bèn sai Quách Quì làm Chiêu-thảo-sứ, Triệu Tiết làm phó, đem 9 tướng quân cùng hội với nước Chiêm-thành và Chân Lạp chia đường sang đánh nước Nam ta.Lý- triều sợ đánh lâu không lợi, bèn sai sứ sang Tống xin hoãn binh.

Khi nhà Trần lên thay nhà Lý, thì nhà Tống bên Tàu bị người Mông-cổ đánh phá.Thành-cát-tử-hãn (Gengis khan) thống nhất các bộ lạc Mông cổ, lên làm vua, miếu- hiệu là Nguyên-thái-tổ, mới chiếm giữ được cả vùng Trung-Á, cùng đất Ba- tư, sang đến phía đông-bắc Âu-la-ba. Sau quân Mông-cổ lại lấy được nước Tây-hạ, phía tây nước bắc Tàu, dứt được nước Kim và tràn sang đến nước Triều-tiên (Cao-ly). Truyền đến đời Nguyên Hiến-tông, vua sai hai em là Hạp-lỗ (Houlagen) sang kinh-lý việc nước Ba- tư, và Hốt-tất-liệt (Koubilai) sang đánh nhà Tống bên Tàu. Trong khi quân Mông#cổ sang đánh nhà Tống, thì Mông-kha mất, Hốt-tất-liệt phải rút binh về lên ngôi vua, tức là Nguyên Thế-tổ. Hốt-tất-liệt lên làm vua rồi đổi quốc hiệu là Nguyên.Hốt-tất-liệt lại sang đánh dứt được nhà Tống.

Khi Hốt-tất-liệt đem quân sang đánh nhà Tống, có sai một đạo quân đi đánh nước Đại-lý (thuộc tỉnh Vân-nam bây giờ) tướng Mông-cổ là Ngột-lương-hợp-thai (Wouleangotai) sai sứ sang báo vua Trần Thái-tông về thần-phục Mông-cổ.Thái-tông không những là không chịu, lại bắt giam sứ Mông-cổ, rồi sai Trần quốc Tuấn đem binh lên giữ ở phía Bắc vào năm đinh-tị (1257).

Quân Mông-cổ sang đánh Đại Việt, vua Thái-tông chống không nổi, phải bỏ Thăng Long, chạy về đóng ở sông Thiên-mạc (huyện Đông-an, Hưng-yên). Được ít lâu quân Mông-cổ ở nước Nam không quen thủy-thổ mệt mỏi. Thái-tông mới tiến binh lên đánh ở Đông-bộ-đầu. Quân Mông- cổ thua chạy về đến trại Qui-hóa, lại bị chủ trại đẩy chiêu-tập thổ dân ra đón đánh. Quân Mông-cổ thua to, rút về Vân-nam,

đi đường mỗi-mệt, đến đâu cũng không cướp-phá gì cả, cho nên người ta gọi là giặc Phật.

Quân Mông-cổ tuy thua phải rút về, nhưng chẳng bao lâu vua Mông- cổ dứt được nhà Tống, lấy được nước Tàu, rồi có ý muốn bắt vua nước Nam sang châu ở Bắc-kinh, bởi vậy lại sai sứ sang đòi lệ cống. Vua Thái-tông sai Lê Phụ Trần sang sứ xin cứ ba năm sang cống một lần.

Nhà Nguyên nghe tin Trần Thái-tông mới mất và Thánh-tông nhường ngôi cho Trần Nhân tông, liền sai Lê-bộ thượng-thư là Sài Thung sang sứ rất ngạo mạn. Nguyên-triều thấy vua An-nam không chịu sang châu, có ý đưa quân sang đánh, nhưng còn chưa quyết. Nguyên-chủ thấy vua Nhân-tông đuổi quan sang giám-trị các châu huyện về Tàu, bèn lập Trần di Ái làm An-nam quốc vương, phong cho Lê Mục làm Hàn-lâm học-sĩ, Lê Tuân làm Thượng-thư lệnh, và sai Sài Thung dẫn 1.000 quân đưa bọn ấy về nước. Sài Thung bị tên bắn mù một mắt, trốn chạy về Tàu, còn lũ Trần di Ái bị bắt, phải tội đồ làm lính. Nguyên-chủ thấy Sài Thung bị thương chạy về tức giận lắm, bèn sai con là Thoát Hoan làm Trấn-nam-vương, cùng với bọn Toa-Đô, Ô mã Nhi dẫn 50 vạn quân, giả tiếng mượn đường đi qua nước Nam sang đánh Chiêm-thành.

Thái tử Thoát Hoan thống lĩnh các quân, nói thác là sang đánh Chiêm Thành, mà thực là chia đường sang cướp nước ta. Nhân-tông thấy vậy cho triệu những kỳ lão trong nước vào điện Diên Hồng hỏi mưu kế, các kỳ lão đều nói rằng: "Phải đánh!". Vua thấy dân-gian một lòng như vậy, cũng quyết ý kháng cự.

Quân Nguyên chia ra làm hai đạo: một đạo do Toa Đô đem 10 vạn quân từ Quảng-châu đi đường biển sang đánh Chiêm-thành; còn Thoát Hoan thì đem đại binh đến ải-quan, sai người đưa thư sang nói cho mượn đường đi đánh Chiêm-thành. Vua Trần từ chối, Thoát Hoan dẫn đại binh đến đánh Chi- lăng, Hưng-đạo-vương kém thế, thua chạy, sau đó rước xa-giá Thượng-hoàng và vua ra ngoài Thăng- long chạy vào Thanh Hoá. Nguyên chúa hạ chiếu sai Toa Đô theo đường bộ kéo ra mặt Nghệ-an, hợp với quân Thoát Hoan để đánh An-nam.

Sau đó Trần Nhật Duật phá quân Toa Đô ở trận Hàm Tử quan, Trần quang Khải với Trần quốc Toản và Phạm ngũ Lão đem quân từ Thanh Hóa đi thuyền vòng đường bể ra đến bến Chương-dương rồi đánh vào Thăng Long. Thoát Hoan phải bỏ thành Thăng-long chạy qua sông Hồng-hà sang giữ mặt Kinh-bắc (Bắc-ninh).

Vua Nhân-tông cho Hưng-đạo-vương tùy ý mà sai khiến. Năm 1285, Hưng-đạo-vương đánh quân Nguyên ở Tây Kết, Toa Đô trúng tên chết bắt quân Nguyên hơn 3 vạn người, còn Ô mã Nhi chạy vào Thanh-hóa rồi trốn về Tàu. Bấy giờ Thoát Hoan đóng quân ở Bắc-giang, nghe tin đồn Toa Đô tử trận, Ô mã Nhi đã trốn về Tàu thì muốn chạy về Tàu.

Hưng-đạo-vương dẫn đại quân lên Bắc-giang đánh, quân Nguyên thua chạy, Thoát Hoan dẫn đại binh chạy đến bến Vạn-kiếp, gặp bọn Nguyễn Khoái ra đánh, quân Nguyên tổn-hại quá nửa. Tướng Nguyên là Lý Hằng bị tên bắn chết. Còn Thoát Hoan, Phàn Tiếp, A bát Xích, Lý Quán cố sức đánh lấy đường mà chạy. Thoát Hoan phải chui vào cái ống đồng để lên xe mà chạy. Về gần đến châu Tư-ninh lại gặp bọn Hưng-võ-vương Nghiễn và Hưng-hiếu-vương Úy đánh đuổi một trận nữa. Lý Quán trúng tên bắn chết. Thoát Hoan, A bát Xích và Phàn Tiếp chạy thoát về Tàu được. Thoát Hoan bị thua chạy về nước, Nguyên chủ giận lắm, hạ chiếu bãi đạo quân sang

đánh Nhật Bản, rồi sai đóng ba trăm chiếc thuyền, định đến tháng 8, kéo ra Khâm, Liêm hội với quân 3 tỉnh Giang Hoài, Hồ Quảng, Giang Tây, mượn tiếng là đưa Trần Ích Tắc về nước Nam để đem đại binh sang đánh báo thù.

Năm 1287, Nhà Nguyên lại sai Thoát Hoan, A Bát Xích đem quân sang đánh. Nhà Nguyên lấy bảy vạn quân, và năm trăm chiếc thuyền; quân Vân Nam sáu nghìn người, và quân giống người Lê ở bốn châu hải ngoại một vạn năm ngàn người; sai Trương Văn Hồ tải mười bảy vạn斛 lương để tiếp tế; phong cho A Bát Xích giữ chức Hành tỉnh tả thừa; Áo Lỗ Xích làm Bình chương chính sự, Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp làm Tham tri chính sự, đều ở dưới quyền chỉ huy của Thoát Hoan. Thoát Hoan sai Trình Bằng Phi, A ó Lỗ Xích mỗi người đem một vạn quân đi đường bộ, Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp đem quân đi thuyền theo đường biển, hai đường đều tiến sang biên giới nước ta. Nhà vua hạ chiếu cho các tướng đem quân chống cự.

Quân nhà Nguyên đánh kinh thành. Nhà vua rước thượng hoàng chạy đến đồn Hám Nam. Mậu Tí, năm thứ 4 (1288), Ô Mã Nhi nhà Nguyên xâm phạm đến phủ Long Hưng. Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư đón đánh tướng nhà Nguyên là Trương Văn Hồ ở Vân Đồn, được thắng trận lớn. Ô Mã Nhi đợi mãi không thấy thuyền tải lương của Văn Hồ đến, bèn đánh phá trại An Hưng, rồi lại đem quân về Vạn Kiếp, chia ra đóng giữ các núi Chí Linh và Phả Lại, để làm kế cố thủ.

Hưng Đạo vương đánh phá tan được thủy quân nhà Nguyên ở sông Bạch Đằng, bắt được Ô Mã Nhi. Thoát Hoan phải theo đường bộ chạy trốn về nước.

Quân Nguyên đã rút lui, nhà vua sai Đỗ Thiên Thữ sang nhà Nguyên trần tạ. Năm 1289, vua Trần cho tù binh Nguyên về nước, duy có Ô Mã Nhi chém giết cướp bóc dân ta một cách tàn khốc, nhà vua ngầm lập mưu giết đi.

Bọn Thoát Hoan rút về rồi, vua nhà Nguyên vẫn còn căm giận, muốn lại khởi binh sang đánh; Bác Quả Mật tâu với vua nhà Nguyên nên sai sứ sang dụ, thì thế nào họ cũng phải theo. Vì thế vua Nguyên mới sai thượng thư Trương Lập Đạo sang dụ nhà vua vào châu. Nhà vua từ tạ vì đương có tang, rồi sai Đại Phạp cùng Hà Duy Nham sang sứ nhà Nguyên.

Nguyên triều thấy vua Việt không sang định khởi binh sang đánh, bèn bắt giam sứ Việt là Đào Tử Kỳ ở Giang-lăng, rồi sai Lưu quốc Kiệt và các tướng sửa-soạn binh lương, chọn ngày phát binh. Lại sai Trần Ích Tắc đi theo, về hội ở Tràng sa. Nhưng lúc đang sửa soạn, thì Nguyên Thế-tổ là Hốt-tất-Liệt mất, Nguyên Thánh-tông lên ngôi, mới bãi việc binh và cho sứ An-nam là Đào tử Kỳ về nước. Từ đó nhà Nguyên với nước Nam thông hòa, không có chiến tranh nữa.

Chu Nguyên Chương dứt được nhà Nguyên, dựng nên nhà Minh. Lại có ý dòm dặt Đại Việt. Thường cho sứ sang đòi hỏi nhiều điều: bắt nước Nam phải cấp 5000 thạch lương cho quân nhà Minh đóng ở Vân Nam. Năm 1385 bắt đem 20 tăng nhân An Nam về Kim Lăng, rồi lại đòi phải cống cây quý, phải nộp lương, chủ ý là xem tình thế nước Nam ra thế nào.

Bấy giờ vua là Trần Duệ Tông có tính quyết đoán hơn Nghệ Tông thượng hoàng nhưng mà quyền bính vẫn ở tay thượng hoàng cả. Nước Việt suy yếu cho nên vua Chiêm Thành là Chế Bồng Nga cướp phá thành Thăng Long, không ai chống giữ được. Quân Chiêm Thành bấy giờ ra vào nước Nam ta như đi vào chỗ không người, cho nên trong mấy năm mà vào phá kinh thành 3 lần; ba lần thượng hoàng cùng Đế Hiến phải bỏ thành mà chạy.

Thượng hoàng Trần Nghệ Tông tin dùng và giao quyền chính cho Lê Quý Ly nên ông ta bỏ Thiếu Đế năm 1400 rồi tự xưng làm vua thay ngôi nhà Trần. Quý Ly đổi họ là Hồ. Nguyên là dòng dõi nhà Ngu bên Tàu, cho nên Quý Ly đặt quốc hiệu là Đại Ngu và sai xứ sang nhà Minh cầu phong. Minh Thành Tổ đã dẹp xong nhà Nguyên rồi, có ý muốn sang lấy nước Nam. Năm 1404, có là Trần Thiêm Bình, xưng là con vua Nghệ Tông sang Yên Kinh rồi kể rõ sự tình Hồ Quý Ly tiếm nghịch. Vua Thành Tổ nhà Minh sai quan ngự sử Lý Ý sang tra xét việc ấy. Lý Ý về tâu là họ Hồ Soán ngôi vua. Từ đó nhà Minh muốn mượn tiếng đánh Hồ để lấy nước Nam.

Năm 1406, Minh Thành Tổ sai đốc tướng là Hàn Quan và bọn Hoàng Trung dẫn 5000 quân đưa Thiêm Bình về nước. Hồ Quý Ly sai tướng lên đón ở cửa Chi Lăng, đánh quân Minh, bắt được Thiêm Bình đem về giết đi. Nhân việc này, vua Thành Tổ mới sai Thành Quốc Công là Chu Năng làm đại tướng, Tân Thành Hầu là Trương Phụ, Tây Bình Hầu là Mộc Thạnh, làm tả hữu phó tướng, Phong Thành Hầu là Lý Bân, Vân Dương Bá là Trần Húc làm tả hữu tham tướng, chia binh ra làm hai đạo sang đánh nước Nam.

Nhà Hồ thua chạy vào Nghệ An, Quý Ly vào đến cửa Kỳ La (huyện Kỳ Anh, Hà Tĩnh) bị quân nhà Minh bắt được. Hán Thương và những con cháu họ Hồ đều bị giặc bắt được cả ở núi Cao Vọng.

Nhà Minh lấy cơ là họ Trần không còn ai nữa và đất An Nam vốn là đất Giao Châu ngày trước, nên đặt quận huyện như cũ. Vua quan nhà Hồ thì đều phải đem cả về Kim Lăng. Quý Ly về bên Tàu phải giam, rồi sau đày ra làm lính ở Quảng Tây, còn con cháu và các tướng sĩ thì được tha cả không phải tội.

Bấy giờ có Giản Định Vương tên là Quĩ, con thứ vua Nghệ Tông nổi lên xưng là Giản xưng là Giản Định Hoàng Đế, để khôi phục nhà Trần. Trương Phụ lại sang đánh thẳng, đi đến đâu giết hại quân dân, và làm những điều tàn bạo như là: xếp người thành núi, hoặc rút ruột người treo lên cây, hoặc nấu thịt người để lấy dầu. Còn những người Nam ai tòng phục nhà Minh mà giết được nhiều người bản quốc thì được thưởng cho làm quan.

Trương Phụ lấy được châu Thuận Hóa và châu Tân Bình rồi, làm sổ biên số dân đinh ở hai châu ấy, đặt quan cai trị và để quân binh ở lại phòng giữ chỗ giáp giới nước Chiêm Thành. Đến năm 1414, Trương Phụ và Mộc Thạnh về Tàu, đem những đàn bà con gái về rất nhiều.

Bọn Hoàng Phúc ở lại sửa sang các việc trong nước để khiến cho người Nam đồng hóa với người Tàu. Lập ra đền miếu, bắt người mình cúng tế theo tục bên Tàu, rồi từ cách ăn mặc cho chí sự học hành, việc gì cũng bắt theo như người Tàu cả. Còn cái gì là di tích của nước mình như là sách vở thì thu nhặt đem về Tàu hết sạch. Lại đặt ra thuế lệ, bổ thêm sưu dịch để lấy tiền của, làm cho dân ta bấy giờ phải nhiều điều khổ nhục.

Đến năm 1418, đời vua Thành Tổ nhà Minh, Lê Lợi cùng với tướng là Lê Thạch, Lê Liễu khởi binh ở núi Lam Sơn, tự xưng là Bình Định Vương, rồi truyền hịch đi gần xa kể tội nhà Minh để rõ cái mục đích của mình khởi nghĩa đánh kẻ thù của nước. Lúc đầu thế lực của Bình Định Vương còn kém lắm, tướng sĩ thì ít, lương thực không đủ, không có đủ sức mà chống giữ với quân nghịch, cho nên phải về núi Chí Linh ba lần, và phải nguy cấp mấy phen, phải bỏ vợ con để giặc bắt được.

Năm tân sửu (1421) tướng nhà Minh là Trần Trí đem mấy vạn quân đến đánh Bình Định Vương ở đồn Ba Lậm, lại ước với người Lào sang cùng đánh hai mặt. Vương bị thua rút về Chí Linh.

Năm 1424, Bình Định Vương lấy được châu Trà Long, sau đó lại lấy được Nghệ An, Thuận Hóa. Sau đó năm 1426 lại thắng quân Minh ở trận Tuy Động, quân Minh chết hơn năm vạn người; còn bị bắt sống hơn một vạn người. Phương Chính và Mã Kỳ chạy thoát được, rồi cùng với Vương Thông về giữ thành Đông Quan.

Vương Thông cho người về tâu với Minh Đế để xin viện binh. Năm 1427, Minh Đế liền sai Chinh Lỗ Phó Tướng Quân An Viễn Hầu là Liễu Thăng, cùng bọn Bảo Lương Minh, Thôi Tụ, Lý Khánh, Hoàng Phúc, Nguyễn Đức Huân, đem 10 vạn quân, hai vạn ngựa, đi đường Quảng Tây sang đánh cửa Ba Lụy. Lại sai Chinh Nam Đại Tướng Quân Kiềm Quốc Công là Mộc Thạnh, cùng với Từ Hanh, Đàm Trung đi đường vào Vân Nam sang đánh cửa Lê Hoa. Đến gần Chi Lăng, quân của Lê Sát, chém Liễu Thăng ở núi Đèo Mã Pha (nay là Mã Yên Sơn, làng Mai Sao, thuộc Ôn Châu). Mộc Thạnh được tin ấy, sợ quá, đem quân chạy, bị quân Trịnh Khả đuổi theo chém được hơn 1 vạn người.

Sau 10 năm chiến đấu, Bình Định Vương đã đuổi được giặc Minh về Tàu, giành lại được chủ quyền Đại Việt và sai ông Nguyễn Trãi làm tờ Tờ Bình Ngô Đại Cáo cho thiên hạ biết:

"Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, quân điếu phạt chỉ vì khử bạo... Vì họ Hồ chính sự phiền hà, để trong nước nhân dân oán hận. Quân cuồng Minh đã thừa cơ tứ ngược, bọn gian tà còn bán nước cầu vinh... Kẻ há miệng, đưa nhe răng, máu mỡ bấy no nê chưa chán. Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa"...

Năm 1428, Bình Định Vương lên ngôi tức là vua Thái-tổ nhà Lê, đặt quốc-hiệu là Đại-Việt. Vua nhà Minh phong vương cho vua Lê và đặt lệ cứ 3 năm phải sang cống nhà Minh một lần, mà lần nào cũng phải đúc hai người bằng vàng gọi là: "đại thân kim nhân". Có lẽ là lúc đánh trận Chi-lăng có giết mất tướng nhà Minh là Liễu Thăng và Lương Minh, cho nên phải đúc hai người bằng vàng thế mạng.

Đến đời vua Lê Chiêu Tông lên ngôi lúc 14 tuổi thì triều đình rối loạn, Mạc Đăng Dung chuyên quyền, nhà vua bỏ kinh thành chạy lên Sơn Tây mưu đánh loạn thần. Mạc Đăng Dung cùng với các quan ở trong triều lập Hoàng-đệ là Xuân lên làm vua, tức là Cung-hoàng, rồi bắt vua Chiêu Tông về để ở Đông-hà (huyện Thọ-xương), rồi cho người đến giết đi. Năm 1527, Mạc Đăng Dung lên ngôi lập ra nhà Mạc.

Nhà Lê tuy đã mất ngôi, nhưng lòng người còn tưởng nhớ đến công-đức của vua Thái-tổ và vua Thánh-tông, cho nên lại theo phò con cháu nhà Lê trung hưng lên ở phía nam ở vùng Thanh-hóa, Nghệ an để chống nhau với nhà Mạc thành ra Nam-triều và Bắc-triều hai bên đánh nhau trong năm sáu mươi năm.

Năm 1592, Mạc Mậu Hợp làm vua được 30 năm, bị Trịnh Tùng bắt được đem về chém ở Thăng-long và đem đầu vào bêu ở Thanh-hóa. Nhà Mạc mất ngôi từ đấy. Nhưng con cháu được nhờ nhà Minh bênh-vực, còn được giữ đất Cao-bằng ba đời nữa.

Khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê rồi, quan nhà Lê đã có người sang kêu cầu bên Tàu để xin viện binh. Việc định sang đánh họ Mạc không phải là vua nhà Minh có vị gì họ Lê, nhưng chẳng qua cũng muốn nhân lúc nước Nam có biến, lấy cớ mà sang làm sự chiếm giữ như khi trước sang đánh họ Hồ vậy.

Năm đinh-dậu (1537) vua nhà Minh bèn sai Cừu Loan làm Đô-đốc, Mao bá Ôn làm Tán-lý-quân-vụ, đem quân sang đóng gần cửa Nam-quan rồi truyền hịch đi mọi nơi, hễ ai bắt được cha con Mạc đăng Dung thì thưởng cho quan tước và hai vạn bạc. Năm 1540, Mạc đăng Dung thấy quân nhà Minh sửa soạn sang đánh, sợ-hãi quá chừng, bèn để Mạc phúc Hải ở lại giữ nước, rồi cùng với bọn Vũ như Quế cả thầy hơn 40 người, tự trói mình ra hàng, sang chịu tội ở cửa Nam-quan, lạy phục xuống đất để nộp số điền-thổ và số dân đinh, lại xin dâng đất 5 động: là động Tê-phu, động Kim-lạc, động Cỗ-xung, động Liễu-cát, động La-phù, và đất Khâm-châu. Lại đem vàng bạc dâng riêng cho nhà Minh. Vua Minh phong cho Mạc đăng Dung làm chức Đô- thống-sứ hàm quan nhị-phẩm nhà Minh.

Trần trọng Kim bàn rằng: *Làm ông vua mà không giữ được cái danh-giá cho trọn- vẹn, đến nỗi phải cởi trần ra trói mình lại, đi đến quì lạy ở trước cửa một người tướng của quân nghịch để cầu lấy cái phú-quí cho một thân mình và một nhà mình, ấy là một người không biết liêm-sĩ. Đối với vua là nghịch thần, đối với nước là phản quốc, đối với cách ăn-ở của loài người, là không có nhân-phẩm; một người như thế ai mà kính phục?*

Nhà Lê trung hưng là nhờ có tướng giỏi là Nguyễn Kim và Trịnh Kiểm. Sau khi diệt nhà Mạc thì xảy ra việc tranh dành quyền lực của hai họ Trịnh Nguyễn đều lấy cớ phù Lê mà xưng chúa để đánh nhau 7 lần trong 45 năm. Vua Lê chỉ còn là hư vị.

Năm 1623, Trịnh Tráng lên nối nghiệp làm chúa thì bên Tàu vua Thanh Thái Tổ lấy được Mãn châu, đóng đô ở Thẩm Dương. Đến đời Thanh Thế Tông đánh lấy được cả đất Liêu Tây của nhà Minh. Khi tướng nhà Minh là Ngô Tam Quế đang chống với quân nhà Thanh ở Sơn Hải Quan thì Lý Tự Thành nổi lên vây đánh Yên Kinh. Lý Tự Thành đem quân đến đánh Sơn Hải Quan. Tam Quế xin hàng nhà Thanh để lấy binh về đánh Lý Tự Thành. Lý Tự Thành đánh thua, phải bỏ Yên Kinh mà chạy, quân nhà Thanh vào giữ Yên Kinh rồi dời kinh sư về đó. Dòng dõi nhà Minh là Quế Vương xưng đế ở đất Triệu Khánh (thuộc Quảng Tây) được mấy năm thì bị Tam Quế đem giết đi. Từ đấy nhà Thanh nhất thống nước Tàu.

Vua Lê Chiêu Thống vốn nhu nhược, triều thần lúc bấy giờ không ai có tài kinh luân, lại để cho Trịnh Bồng và Nguyễn Hữu Chỉnh nổi nhau mà chuyên quyền, thì việc triều chính hỗn loạn. Khi Nguyễn Huệ giết Vũ Văn Nhậm rồi, không nỡ dứt nhà Lê, đặt Giám Quốc để giữ tông miếu tiền triều; như thế thì cách ở với nhà Lê không lấy gì làm bạc. Sau vua Chiêu Thống và bà Hoàng Thái Hậu đi sang kêu cầu bên Tàu, vua nhà Thanh nhân lấy dịp lấy cớ cứu nhà Lê, để lấy nước Nam, bèn sai quan sang đô hộ nước Nam. Vậy nước đã mất, thì phải lấy nước lại, Nguyễn Huệ mới lên ngôi Hoàng Đế đem quân ra đánh một trận phá 20 vạn quân Tàu, Quân Tây Sơn toàn thắng. Tướng Thanh là Hứa Thế Hanh, Trương Sĩ Long, Thượng Duy Thăng đều tử trận cả; quan phủ Điền Châu là Sầm Nghi Đống đóng ở Đống Đa bị quân Nam vây đánh cũng thắt cổ mà chết. Tôn Sĩ Nghị phải bỏ cả ấn tín mà chạy, làm cho vua tôi nước Tàu khiếp sợ, tướng sĩ nhà Thanh thất đảm. Tướng từ xưa đến nay nước ta chưa có chiến công nào oai hùng như vậy. Vua Lê Chiêu Thống chạy sang và chết ở bên Tàu.

Vua nhà Thanh phong cho Nguyễn Huệ làm An Nam Quốc vương theo như lệ các triều trước.

Sau khi vua Quang Trung mất, chúa Nguyễn Phúc Ánh thăng được nhà Tây Sơn, năm 1802, chúa Nguyễn đã lên ngôi vua ở Phú Xuân, lấy hiệu là Gia Long. Vua tự xưng là Nam Việt quốc vương và cử Trịnh Hoài Đức sang Quảng Đông, đi sứ và dâng cống phẩm. Triều đình nhà Thanh không đề cập đến vấn đề quốc hiệu, chỉ cho biết rằng họ Nguyễn chưa thống nhất đất nước, cũng không thuộc nước phiên thuộc nên không thể nhận cống vật. Sau đó lại cử Nguyễn Quang Định với tư cách là sứ cầu phong xin nhà Thanh phong quốc hiệu là Nam Việt và phong vương cho mình. Nhà Thanh muốn thể hiện uy quyền là nước bá chủ nên cho đổi quốc hiệu là Việt Nam vì cái tên Nam Việt là tên nước của Triệu Đà ngày trước bao gồm tỉnh Quảng Đông đến tỉnh Quảng Tây và quy định rằng: Việt Nam phải triều cống hai năm một lần, 4 năm phải cử sứ giả sang châu một lần hoặc gộp hai lần triều cống làm một. Theo yêu cầu của nhà Thanh, năm 1803 và 1805, sứ tạ ân được thay thế bằng sứ triều cống năm 1804. Đến năm 1839, năm cuối đời Minh Mạng, việc triều cống được quy định thành bốn năm một lần. Sứ giả cuối cùng của nhà Nguyễn sang nhà Thanh là sứ giả sang xin sắc phong cho Kiến Phúc.

Ngay từ đầu nhà Nguyễn đã mong muốn duy trì quan hệ bang giao với nhà Thanh với việc xin phong vương, triều cống để cốt sao khẳng định được tính chính thống, tạo dựng được uy tín cho triều đại mình, điều mà ngay khi thành lập, triều Nguyễn đã không có được.

Nhà Thanh luôn luôn mưu tính chiếm đất đai ở vùng biên giới hoặc tìm cách phá hoại nền kinh tế nước ta.

Năm 1830, để lũng đoạn thị trường tiền tệ Việt Nam, nhà Thanh đã cho đúc tiền kẽm như tiền Việt Nam và đem sang nước ta tiêu dùng, mua bán. Tiền giả của Trung Quốc đã gây làm cho tiền Việt mất giá làm cho giá hàng hoá tăng vọt. Trước tình trạng đó, vua Minh Mạng đã lệnh cho các cửa khẩu biên giới phải tăng cường kiểm soát chặt chẽ, bắt những kẻ gian đem tiền giả sang nước ta.

Năm 1831, quân nhà Thanh ở địa phương gần biên giới đã cho 600 binh lính đến chiếm động Phong Thổ ở miền Hưng Hóa. Nhà vua đã sai tướng Đặng Văn Thiêm đem 1.000 binh lính và 10 thớt voi kéo lên biên giới, sẵn sàng nghênh chiến. Trước lực lượng của quân Việt Nam, quân Thanh phải rút lui. Vua Minh Mạng giao cho thổ quan cai quản động Phong Thổ và đóng đồn ở đấy để phòng giữ.

Thời bấy giờ, tư bản Âu châu phát triển mạnh cho nên họ tìm thị trường tiêu thụ và nguyên liệu mới để tiếp tục phát triển công nghệ. Châu Á đất rộng người đông nhưng lạc hậu, tiếp tục văn minh Trung Hoa thời trung cổ và trở thành mồi ngon của thực dân Âu châu. Việt Nam được xem là bàn đạp để xâm chiếm Trung Hoa.

Trong hoàn cảnh này, vua Thiệu Trị và các đại thần như Trương Đăng Quế, Nguyễn Văn Giai cho rằng "người Pháp là cuồng di", những ý kiến lầm lạc ấy tỏ rằng các người cầm vận mệnh nước ta không hiểu thời thế thiên hạ chút nào cả.

Phan Bội Châu nhận xét về tình hình triều đình lúc đó như sau:

....người Việt Nam ta lúc bấy giờ lại có thái độ tự mãn "ôm vàng vác mặt", ngồi đấy giếng chẳng biết có trời rộng mệnh mang. Văn hóa cũng như quân sự đã hèn kém mà ngày càng thêm sa sút; lại thêm quan niệm hủ chấp chính giáo, mỗi việc đều chỉ biết mô phỏng theo các triều đại Minh, Thanh. Văn nhân thì chỉ biết "ôm cây đợi thỏ", câu nệ theo sách xưa, tục học tầm chương mà cứ vênh vang đắc chí. Người có trách

nhiệm về võ thì cũng chỉ lấy cờ trống làm vui làm đẹp, lấy con quyền làm trò khoe tài du hí trẻ con; tự cho mình là hạng người tài hoa chưa từng có.

Điều đáng chê trách hơn nữa là những người có trách nhiệm về vận mạng quốc gia lúc bấy giờ lại còn ra mặt coi rẻ nhân dân, xem thường dư luận. Mọi việc có quan hệ đến đường lối quốc gia, người dân chẳng được hay biết mảy may, chỉ đứng ngoài mà ta thán.

.....Dần dà đến năm Tự Đức nguyên niên , Pháp thấy rõ Việt Nam chỉ là một quốc gia hèn kém về chính giáo, dân quyền ngày càng bị tước đoạt, nhân dân ấm ức bất mãn; đúng là triệu chứng báo hiệu thời kỳ bại vong.

Vì thế khi thực dân Pháp đánh vào Đà Nẵng năm 1858 và sau đó chiếm thành Gia Định năm 1859 thì vua Tự Đức và triều đình vẫn còn tin tưởng vào sức mạnh của nhà Thanh để bảo vệ các nước phiên thuộc, và không biết là nước Tàu đã suy yếu sau loạn Thái bình thiên quốc của Hồng Tú Toàn và không thể chống cự với vũ khí của tây phương.

Lưu Vĩnh Phúc là tàn quân Thái Bình Thiên quốc chạy sang Việt Nam, làm cướp, gọi là quân Cờ đen, gây nhiều tội ác cướp bóc dân chúng ở vùng Tuyên Quang, Lào Kai, Cao Bằng, Vĩnh Phúc (Hưng Hóa). Cùng với nhóm tàn quân đó còn có quân Cờ vàng. Quan quân nhà Nguyễn đánh không được mới thu phục quân Cờ đen, để mượn họ đánh Cờ vàng của Hoàng Sùng Anh. Sau đó Lưu Vĩnh Phúc về làm thuộc hạ của Hoàng Kế Viêm là tổng đốc Sơn Tây.

Sau khi Hà Nội thất thủ lần thứ nhất, Lưu Vĩnh Phúc lập được công trạng là giết được trung úy Garnier ở ô Cầu Giấy, và được triều đình phong làm phó đề đốc Tam Tuyên (Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang). Sau đó khi Hà Nội thất thủ lần thứ hai họ Lưu lại giết được đại tá Reviere là người chỉ huy quân Pháp chiếm Hà Nội nên được triều đình Huế phong làm đề đốc, tước Nghĩa lương nam.

Sau khi Hà Nội thất thủ , Hoàng Diệu tuân tiết, thì vua Tự Đức đã cho sứ thần đi cầu viện Mỹ và Phổ, là những nước đã có chiến tranh với Pháp, nhưng không thành công. Ông đã cho Phạm Thiện Duật sang cầu cứu nhà Thanh. Hai vạn quân Thanh kéo sang Bắc Kỳ đóng tại Lạng Sơn, Sơn Tây, Bắc Ninh.

Khi Pháp mới chiếm Hà Nội thì nhà Thanh cũng cho quân đóng giữ biên giới, vì ngại quân Pháp đánh sang. Quân Thanh sang Việt Nam là để cứu chư hầu. Tổng đốc Lương Quảng là Trương Thụ Thanh gửi mật sớ lên vua Thanh, có đoạn nói rằng: *"nước Nam và nước Tàu tiếp giáp với nhau mà thế lực nước Nam thật là suy hèn, không có thể tự chủ được nữa, vậy ta nên mượn tiếng sang đánh giặc mà đóng giữ ở các tỉnh thượng du. Đợi khi có biến thì ta chiếm lấy những tỉnh ở về phía bắc sông Hồng Hà"*; bởi vậy nhà Thanh mới sai Tạ Kính Bưu, Đường Cảnh Tùng đem quân sang đóng ở Bắc Ninh và ở Sơn Tây, sau lại sai quan bố chính Quảng Tây là Từ Diên Húc đem quân sang đánh Pháp, chứ không đánh quân Cờ đen

Cuộc chiến giữa Pháp và nhà Thanh, diễn ra từ tháng 9/1884 tới tháng 6 /1885. Cuộc chiến đã xảy ra vì Pháp muốn kiểm soát vùng đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam và con đường từ Hà Nội đến tỉnh Vân Nam của Trung Quốc. Nhà Thanh ngược lại muốn ngăn cản sự hiện diện quân sự của Pháp Bắc Kỳ, vì Pháp sẽ trực tiếp uy hiếp vùng biên giới phía nam của họ. Hơn nữa, là nhà Thanh muốn nhân cơ hội này để chiếm hoặc là duy trì ảnh hưởng của mình đối với Việt Nam.

Chiến tranh Pháp-Thanh này kéo dài gần 2 năm. Trong trận đánh Bắc Ninh, quân Pháp dùng cả khinh khí cầu để do thám quân Thanh, khiến liên quân kinh ngạc. Trận Sơn Tây là ác liệt nhất vì là thủ phủ của quân Hoàng Kế Viêm. Quân Thanh và Cờ Đen đánh Pháp ngang sức, quân Việt chỉ dựa vào quân Lưu Vĩnh Phúc. Pháp bị chết 80, bị thương 300 quân, Cờ Đen chết và bị thương khoảng 1000. Trận này, Pháp bị chết 80, bị thương 300 quân, Cờ Đen chết và bị thương khoảng 1000. Có 7 lính Pháp chiếm được thành Ninh Bình.

Năm 1884, Việt Nam và Pháp ký hoà ước Patenotre, Việt Nam không còn là chư hầu của Trung quốc nữa, cái quốc ấn mà nhà Thanh phong cho vua Gia Long đã bị hủy diệt trước khi hòa ước Patenôtre được ký. Nhưng sau đó quân Thanh vẫn không chịu rút khỏi Bắc Kỳ, lại đánh úp quân Pháp ở Bắc Lệ, Lạng Sơn khiến Pháp thua to, vì họ tin tưởng vào hiệp ước đã ký. Trận thua này khiến thủ tướng Pháp phải từ chức. Pháp dùng tàu chiến đánh vào Đài Loan, đảo Bành Hồ và Phúc Châu, phong tỏa cảng Quảng Châu. Lúc đó nhà Thanh đã yếu, lại vướng thêm vấn đề Cao Ly nên mới phải ký hiệp ước Thiên Tân lần 2 năm 1885 và quyết định từ bỏ hoàn toàn quyền bảo hộ Việt Nam gần 1000 năm.

Rồi Pháp và Thanh ký tiếp 1 hiệp định nữa gọi là hiệp định Constans 1887, để phân chia lại biên giới Bắc Kỳ- Thanh, nay là biên giới Việt- Trung .

Sang thế kỷ XX, năm 1919, Lenin lật đổ đế chế Nga hoàng, lập ra liên bang Nga xô viết theo chủ nghĩa cộng sản chống lại chủ nghĩa tư bản đang phát triển ở Âu Mỹ. Tiếp theo là Stalin muốn bành trướng chủ nghĩa này trên toàn cầu và nhất là ở châu Á. Sau thế chiến 1939-1945, Stalin đã chiếm đóng các xứ Đông Âu và phân nửa Bá linh.

Vào năm 1949, Mao Trạch Đông thành lập Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (Trung Cộng) theo cộng sản, sau khi đuổi được Tưởng Giới Thạch có Mỹ yểm trợ ra Đài loan. Sau đó lại gây ra chiến tranh Triều tiên và biển miền Bắc xứ này thành Cộng sản.

Năm 1950, Mao Trạch Đông quyết định viện trợ cho Việt Minh kháng chiến chống thực dân Pháp nhằm mục đích cộng sản hoá Đông Dương. Mao Trạch Đông thành lập nhóm cố vấn quân sự để hỗ trợ Việt Minh gồm 79 cố vấn do La Quý Ba dẫn đầu sang Việt Nam đánh Pháp.

Sau Hội nghị Genève năm 1954 khi Pháp rút khỏi miền Bắc Việt Nam, Hồ Chí Minh muốn thống nhất đất nước khiến Trung Cộng lo ngại sợ Mỹ can thiệp. Lúc đó Trung cộng vừa tham gia Chiến tranh Triều Tiên chống lại Mỹ, đã gây áp lực rất lớn lên nền kinh tế trong nước. Họ rất muốn giảm căng thẳng ở Đông Nam Á vì họ không muốn tham gia một cuộc chiến khác ở Việt Nam.

Vì nhu cầu cần có sự viện trợ của Trung cộng, nên ngày 4/ 9/1958, khi chính phủ Trung Quốc đã tuyên bố bệ rộng của lãnh hải Trung Quốc là mười hai hải lý, được áp dụng cho tất cả các lãnh thổ của nước Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa, "*bao gồm ... Quần Đảo Đông Sa, quần đảo Tây Sa, quần đảo Trung Sa, quần đảo Nam Sa ...*". Ngày ngày 14/9/1958, Phạm Văn Đồng đã ghi rõ trong bản công hàm gửi cho Chu An Lai, rằng "*Chính phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà ghi nhận và tán thành bản tuyên bố ngày 4 tháng 9 năm 1958 của Chính phủ nước Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa về vấn đề lãnh hải*".

Sự kiện này được gọi là Công Hàm Bán Nước của Cộng sản Việt Nam.

Một điều cần ghi nhận là Trung Cộng đã chỉ đe dọa những lãnh thổ mà Việt Nam đã tuyên bố là của mình, và để yên cho các nước khác. Như vậy Hồ Chí Minh qua Phạm Văn Đồng, đã tặng cho Trung Cộng một lãnh hải lớn bởi vì lúc đó Hồ Chí Minh đang chuẩn bị cho công cuộc xâm lăng miền Nam Việt Nam. Họ Hồ cần sự viện trợ khổng lồ và đã nhắm mắt để nhận tất cả những điều kiện của Bắc Kinh. Đối với ông ta, việc bán "trên giấy tờ" hai quần đảo lúc đó vẫn thuộc về miền Nam Việt Nam là một điều dễ dàng. Phó thủ tướng Trung cộng là Lý Hiến Niên phát biểu: *Trung quốc đã sẵn sàng chia chác vùng vịnh "mỗi bên một nửa" với Việt Nam, nhưng trên bàn thương lượng, Hà Nội đã vẽ đường kiểm soát của Việt Nam đến gần Đảo Hải Nam. Ông Lý cũng đã nói rằng vào năm 1956 (hay 1958 ?), Thủ tướng Việt Nam Phạm Văn Đồng đã ủng hộ một bản tuyên bố của Trung Quốc về chủ quyền của họ trên Quần Đảo Trường Sa Và Hoàng Sa, nhưng từ cuối năm 1975, Việt Nam đã kiểm soát một phần của nhóm đảo Trường Sa - nhóm đảo Hoàng Sa thì đã nằm dưới sự kiểm soát bởi Trung Quốc. Năm 1977, theo lời tường thuật thì ông Đồng đã biện hộ cho lập trường của ông ấy hồi năm 1956: "Lúc đó là thời kỳ chiến tranh và tôi đã phải nói như vậy".*

Nhưng từ năm 1969-1970, viện trợ đã giảm sút nghiêm trọng, đồng thời tất cả quân đội Trung Quốc rút lui. Năm 1968, môi trường chiến lược của Trung Cộng đã thay đổi khi quan hệ Trung-Nga trở nên căng thẳng. Khi Trung Cộng đang tìm cách nối lại quan hệ hữu nghị với Hoa Kỳ, Bắc Việt vẫn đang mắc kẹt trong cuộc đấu tranh tuyệt vọng với Hoa Kỳ, điều này đã tạo ra những hậu quả với quan hệ Trung -Việt và với Cách mạng Văn hóa ở Trung Cộng đã gây ra căng thẳng và xung đột giữa Bắc Kinh và Hà Nội,

Trong khoảng thời gian từ 1955 - 1957, bên cạnh sự hỗ trợ từ Trung Cộng, Liên Xô cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giúp Bắc Việt tái thiết và phát triển nền kinh tế. Vào cuối những năm 1940 và đầu những năm 1950, Stalin chú ý vào việc hỗ trợ các đảng Cộng sản ở Đông Âu, và Mao khuyến khích các phong trào Cộng sản ở Đông Nam Á. Vào đầu những năm 1950, vai trò của Liên Xô trong chiến tranh Việt Nam là rất nhỏ vì Liên Xô hết sức cố gắng tránh tham gia vào cuộc chiến. dẫn đến việc chấm dứt hỗ trợ của Trung Quốc.

Ảnh hưởng của Trung Cộng tại Việt Nam ngày càng lớn, và lợi ích của Liên Xô tại khu vực Đông Dương cũng suy yếu theo. Khi Khrushchev bị loại khỏi quyền lực vào năm 1964, các nhà lãnh đạo mới của Liên Xô đã tăng cường viện trợ kinh tế và quân sự cho Bắc Việt, để cạnh tranh với Trung Cộng nhằm giành được sự ủng hộ của Bắc Việt đối với Liên Xô trong phe xã hội chủ nghĩa.

Năm 1965, Trung Cộng tăng viện trợ cho Việt Nam. Vì vậy, Liên Xô coi mục đích viện trợ của Trung Cộng cho Việt Nam không chỉ là để truyền bá tinh thần cách mạng mà còn để mở rộng ảnh hưởng ở Đông Dương.

Sự tham dự của Trung Cộng vào cuộc chiến ở Việt Nam là có những tham vọng đằng sau. Trung Cộng với tư cách là bên hưởng lợi từ thỏa thuận, mong muốn giải quyết các vấn đề trong nước hơn là tham gia vào một cuộc đối đầu trực tiếp khác với Hoa Kỳ sau chiến tranh Triều Tiên.

Từ quan điểm của Hà Nội, mối đe dọa leo thang của Hoa Kỳ đã khiến Liên Xô trở thành đồng minh bất đắc dĩ và đáng tin cậy duy nhất. Ngoài ra, Hà Nội sợ phụ thuộc hoàn toàn vào Trung Cộng. Khi Liên Xô bày tỏ thiện chí đàm phán, chính thái độ tích cực hơn kết hợp với việc ngày càng sẵn sàng cung cấp cho Bắc Việt các vũ khí quân sự đã khiến cho Hà Nội quay lưng với Bắc Kinh và chuyển hướng sang Moscow.

Chiến tranh Khmer Việt lại phát khởi năm 1978 trong bối cảnh tranh chấp giữa Nga xô và Trung cộng. Việt Nam được Nga xô cung cấp vũ khí và chuyên viên trong chiến tranh chống Mỹ và VNCH cho nên đã liên kết với nước này để phong tỏa cô lập Trung Cộng. Vì thế Trung cộng chỉ thị cho Campuchia đánh Việt nam mở mặt trận Tây Nam, năm 1978 để giải tỏa thế gọng kìm này.

Để phản ứng với việc Việt Nam đóng quân ở Campuchia và ký kết Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác với Liên Xô năm 1978, Trung cộng mở cuộc xâm lược Việt Nam năm 1979 để thi hành sứ mệnh trừng phạt của họ .

Chiến tranh biên giới Việt -Trung là một cuộc chiến ngắn nhưng khốc liệt giữa Trung Cộng và Cộng sản Việt Nam, xảy ra vào ngày 17/2/1979 khi Trung Cộng đưa quân xâm lược Việt Nam trên toàn đường biên giới giữa 2 nước.

Cuộc chiến kết thúc khi Trung Cộng tuyên bố hoàn thành rút quân vào ngày 16/3/1979, sau khi chiếm được các thị xã Lạng Sơn, Lào Cai, Cao Bằng, và một số thị trấn vùng biên giới. Lạng sơn hoàn toàn bị phá hủy. Mục tiêu của Trung Quốc buộc Việt Nam rút quân khỏi Campuchia không thành, nhưng cuộc chiến để lại hậu quả lâu dài đối với nền kinh tế Việt Nam và quan hệ căng thẳng giữa hai nước. Trong thập niên 1980, ước tính phía Việt Nam có khoảng 600.000–800.000 quân chính quy và bán vũ trang hiện diện tại khu vực biên giới, chống với với khoảng 200.000–400.000 quân Trung Cộng.

Năm 1980: Trung Cộng pháo kích Cao Bằng, Các cuộc bắn phá của Trung Quốc không nhằm vào một mục tiêu quân sự chiến lược nào cả, không có ảnh hưởng lớn lên Việt Nam.

Năm 1981: Tấn công các cao điểm ở Lạng Sơn và Hà Giang

Năm 1984: Xâm lấn biên giới ở Vị Xuyên

Năm 1988: hải chiến Trường sa, Xung đột quân sự nổ ra trên biển Đông khi Hải quân Trung Cộng đưa quân chiếm đóng một số đảo, đảo chìm, bãi ngầm thuộc quần đảo Trường Sa và Hải quân Việt Nam chống trả và cuộc chiến bùng nổ ra vào ngày 14 tháng 3 năm 1988. Kết quả là phía Việt Nam mất đảo Gạc Ma nhưng giữ được cụm đảo Cô Lin và Len Đao. Việt Nam chỉ còn giữ được các đảo :Spratly Island, Southwest Cay, Sin Cowe Island, Sand Cay, Namyit, Amboyna Cay.

Thống kê Việt Nam công bố gần đây ghi nhận khoảng 4.000 bộ đội hy sinh và hơn 5.000 người khác bị thương tại khu vực này trong giai đoạn từ năm 1984 đến 1989. Phía Trung Cộng tuyên bố con số thương vong của họ là 41.000 lính, trong đó có hơn 20.000 lính tử trận.

Tới năm 1990, cùng với việc Việt Nam rút quân khỏi Campuchia và Liên Xô sụp đổ, quan hệ giữa hai nước dần trở lại bình thường, qua đó chấm dứt các cuộc giao tranh tại biên giới giữa hai nước

Ngày nay vùng biển trong khu vực Biển Đông cũng là đối tượng tranh chấp, với lợi ích mà các quốc gia quan tâm gồm: ngư trường, khai thác tài nguyên (đặc biệt

là dầu khí) và kiểm soát của một vị trí chiến lược. các tranh chấp về đảo và vùng biển. Quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa là hai quần đảo trên các rạn san hô ở Biển Đông, trong đó quần đảo Hoàng Sa đang là nơi tranh chấp chủ quyền giữa Việt Nam, Trung Cộng và Đài Loan. Quần đảo Trường Sa là nơi tranh chấp chủ quyền của 6 quốc gia và lãnh thổ: Trung Cộng, Đài Loan, Việt Nam, Philippines, Malaysia và Brunei; các quốc gia này tuyên bố chủ quyền toàn bộ hay một phần quần đảo Trường Sa. Bãi Macclesfield là đối tượng tranh chấp giữa Trung Cộng và Đài Loan. Quần đảo Đông Sa do Đài Loan quản lý là đối tượng tranh chấp giữa Trung Cộng và Đài Loan. Quần đảo Natuna do Indonesia tuyên bố chủ quyền cũng đang bị Trung Quốc đe dọa.

Hai nước Việt Nam và Trung Cộng đều tuyên bố chủ quyền đối với các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Việt Nam Cộng hòa đã giữ chủ quyền cho đến trận Hải chiến Hoàng Sa ngày 19 /1/1974 thì thuộc về Trung Cộng. Hai đảo Phú Lâm và Lin Côn do Trung Quốc chiếm giữ từ năm 1956. Trung Quốc chiếm đóng một phần của Trường Sa từ sau ngày 14 /3 /1988.

Trên đất liền, vấn đề biên giới được đề cập trong Tivi tuần san năm 2009: *Ái Nam Quan là của Tàu, Thác Bản Giốc được chia đôi để hai nước anh em cùng khai thác du lịch... Lịch sử sẽ phê phán việc làm của tập đoàn lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam qua việc ký hiệp ước biên giới một cách âm thầm, không cho dân chúng biết. Nhiều người ở trong nước từng là đảng viên cộng sản hay cán bộ cao cấp đã lên tiếng chỉ trích, gọi nhà cầm quyền của Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là những người bán đứng đất đai cho ngoại bang, nhượng đất và biển cho kẻ cự thù... Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Vũ Dũng khẳng định, không thể có chuyện “Việt Nam mất đất”, “cắt đất” cho nước này, nước kia như một số mạng nước ngoài đưa tin...*

Hiệp ước Biên giới ký vào năm 1999 giữa chính quyền Việt Nam và Trung Quốc chính thức công nhận Ái Nam Quan và một nửa thác Bản Giốc thuộc về Trung Quốc. Chính phủ Việt Nam nói rằng Hiệp Ước 1999 được ký dựa theo Công ước Pháp-Thanh và rằng họ không làm mất đất mà ngược lại, đã làm hết sức mình để bảo vệ từng tấc đất biên giới.

Tập Cận Bình (Xi Jinping) là chủ tịch đương thời của Trung Cộng nói về chiến tranh Trung-Việt, đã tuyên bố: *Tại sao phải đánh chúng khi hơn 700km2 vùng biên giới phía nam của ta đã được chúng dâng cho ta, một nửa Thác Bản Giốc đã được ta cầm cờ 5 sao, Ái Nam Quan đã trở thành Hữu Nghị Quan mà chúng vẫn cực kỳ coi trọng đại cục hữu nghị giữa hai đảng và nâng niu gìn giữ để trao lại cho những thế hệ mai sau của chúng...*

Súng đạn nào mãnh liệt bằng phong bì tống vào miệng chúng để sau đó Đại Hán ta ngồi ngay trên nóc nhà Tây Nguyên, đào mồ xới mã đất Mẹ của chúng, thái chất độc vào môi trường của chúng và Bộ chính trị của chúng vẫn khăng khăng đây là chiến lược đã quyết, là chính sách công nghiệp hóa hiện đại đất nước không thể ngừng.

Xe tăng đại pháo nào bằng hàng ngàn công trình xây dựng để những sư đoàn Trung Hoa trong bộ áo công nhân có mặt trên xứ sở của chúng, kéo dài từ mũi Cà mau cho đến Hữu nghị quan.

Phi cơ, chiến hạm sao băng 90% gói thầu của chúng ta đang khống chế nền kinh tế của chúng, hàng hóa thặng dư made in China đang ở trên thân thể chúng, bàn ăn của chúng, bao tử của chúng, nhà cầu của chúng...ại sao phải đánh chúng khi chỉ cần đóng đường biên giới là dân của chúng không đủ tiền mua quần áo mặc, thực phẩm, hàng hóa tiêu dùng, xe dream và giấc mơ thấp hèn của chúng không còn chạy đầy đường, cắt xăng dầu là cả nước chúng tối đen và chỉ cần một cú nổ là Tây Nguyên của chúng sẽ nhuộm bùn đỏ, một "sự cố cúp điện" là biển Đông, sông hồ của chúng sẽ cá chết hàng loạt bởi cyanide, phenol, mercury và nhiều thứ hóa chất pha trộn thêm bởi các nhà khoa học chuyên môn về vũ khí hóa học giết người hàng loạt của chúng ta.

Chúng ta không phải đánh, không phải bắn một viên đạn nào mà vẫn có thể làm sụp đổ thị trường chứng khoán của chúng, làm tan gia bại sản những tên đồng chí tư bản đỏ mà tài sản vốn liếng có được là nhờ vào và đang lệ thuộc vào nền kinh tế Trung Hoa made in Vietnam.

Vũ khí nào nguy hiểm và hiệu quả bằng hàng ngàn tấn thải hóa chất độc hại của chúng ta đang ngụy trị trên đất liền, đang chực sẵn ngoài biển Đông mà chúng bỏ trống, đã đang và sẽ giết dần giết mòn hệ sinh thái và nhân dân của chúng.

Cần gì phải đánh khi cả vùng biển mà chúng gọi là biển Đông đã, đang và sẽ là sân nhà của chúng ta; khi ngư dân của chúng hôm qua đi đánh cá trên vùng biển của tổ tiên chúng mà lấm lét như đi ăn trộm và hôm nay đã phải neo thuyền, bỏ biển vì chiến công Formosa của chúng ta; khi hải quân của chúng không dám lai vãng trong suốt thời gian giàn khoan khổng lồ của ta chậm chậm tiến vào và khoan vào lòng biển của chúng nó; khi sự chống trả của chúng là những lời tuyên bố đã trở thành trò hề trên sân khấu ngoại giao; khi phản đối của chúng là những cú điện đàm với lãnh đạo ta bằng cái điện thoại không cắm dây; và chúng ta chỉ cần đuổi chúng ra khỏi nhà của chúng bằng vòi rồng phun nước.

Cần gì phải đánh để chúng ta trở thành đạo quân xâm lăng và mang tiếng dưới mắt nhìn của thế giới, làm xấu đi hình ảnh yêu chuộng hòa bình của Đại Hán. Trong khi chúng ta đã từng bước trong hòa bình thành công thu tóm từng tấc đất, tấc biển, từng vùng đất, vùng biển của chúng bằng văn kiện do chính chúng ký kết. Trong khi chúng ta vô cùng hiệu quả trong tiến trình biến chủ quyền của chúng thành vùng tranh chấp, biến vùng tranh chấp thành vùng khai thác của ta thì chúng chỉ dám vừa lên tiếng như chó sủa người qua đường, vừa cúi đầu cam kết tất cả vì đại cục Việt-Trung.

Còn đối với dân của chúng: Cần gì phải đánh khi chúng thay thế ta ngăn chặn, trấn áp, bắt giam, bỏ tù dân của chúng đứng lên phản đối Đại Hán. Đánh chúng sẽ khơi dậy lòng yêu nước của dân tộc chúng vốn đã là sức mạnh vô biên từng đánh bại chúng ta hàng ngàn năm qua. Đảng của chúng đã tích cực giúp chúng ta tiêu diệt lòng yêu nước của dân tộc chúng trong suốt bao năm qua, đã biến đa phần dân của chúng thành những đàn cừu chỉ muốn sống trong hòa bình của một cuộc đời nô lệ...

Bây giờ, ông này thành chủ tịch trọn đời thì cũng như các hoàng đế phong kiến ngày xưa, cái đế quốc kinh tế của Trung Cộng bao trùm cả hoàn cầu mà ngay cả Hoa Kỳ cũng nợ họ hơn 1000 tỷ đô la.

Ngày nay Trung Cộng là một cường quốc trên nhiều lãnh vực : lãnh thổ, quân sự, kinh tế, dân số, truyền thông, kỹ thuật...và muốn thay thế địa vị của Mỹ để đô hộ

toàn cầu như tại Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 1956, Mao Trạch Đông đã nói: “*Chúng ta phải trở thành quốc gia hàng đầu về phát triển văn hoá, khoa học kỹ thuật và công nghiệp...Không thể chấp nhận rằng sau một vài chục năm, chúng ta vẫn chưa trở thành cường quốc số một trên thế giới*” Sau đó, tháng 9 /1959, tại Hội nghị của Quân uỷ trung ương, Mao Trạch Đông lại nói: “*Chúng ta phải chinh phục trái đất. Đó là mục tiêu của chúng ta*”.

Theo quan điểm của họ thì sự xâm lược bằng võ lực tổn người tổn của được thay thế bởi xâm lược bằng kinh tế theo lối *tâm thực* thì nước thiếu nợ không thể cất đầu lên nổi. Xi Jinping định ra chỉ tiêu là đến năm 2050, thì Trung Cộng vượt qua Hoa Kỳ làm bá chủ hoàn cầu.

Trung Cộng bành trướng con đường tơ lụa trên lục địa và đường biển để tiện việc tiến sang Âu châu. Họ đã đô hộ phần lớn các nước Phi châu để khai thác nguyên liệu cần thiết. Nhưng Việt Nam vẫn là cửa ngõ để tiến xuống đông nam Á và Úc châu. Đối với họ, Việt Nam chỉ là một nước nhỏ như một quận huyện của họ và nghèo.

Theo sử gia Pháp A.Peyrefitte thì vua nhà Thanh đã tuyên bố là : *Việt Nam chỉ bằng ngón chân cái của thiên triều*. Đó là sự khinh mạn từ ngàn xưa của Trung quốc đối với các man, di, dịch, nhưng chung quanh. Điều này đã thấy khi họ ngang ngược đặt các dàn khoan dầu hỏa ở biển đông cũng như việc lập các căn cứ, chiếm đóng các hải đảo bất chấp dư luận thế giới.

H.Nguyễn (tổng hợp)

www.vietnamvanhien.org



VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VĂN HIẾN VỚI HƠN 9000 TÁC PHẨM